

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03-04-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Viên;

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nghiêm Quang Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Đức T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị P, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Phạm Đức T trình bày: Anh và chị Phạm Thị P kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng ngày 03-10-1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do vợ chồng khác nhau về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng ít quan tâm đến nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân thường xuyên căng thẳng. Mặc dù gia đình đã nhiều lần hoà giải nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2017 đến nay, anh và chị P đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Do tình cảm vợ chồng không

còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị P. Anh chị có 02 con chung là Phạm Đức G, sinh ngày 05-02-1998 và Phạm Đức T1, sinh ngày 17-5-2006 đều đã đủ 18 tuổi, tự lao động để nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bị đơn nhưng chị P không đến Tòa án tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không có bản khai của chị P.

Tòa án đã thu thập chứng cứ đối với gia đình, chính quyền địa phương về quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P, thể hiện: Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại thôn T, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng, hòa thuận, hạnh phúc khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống; gia đình đã nhiều lần hòa giải mâu thuẫn giữa anh chị nhưng không có kết quả. Từ năm 2017 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, anh T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Anh chị có 02 con chung là Phạm Đức G, sinh ngày 05-02-1998 và Phạm Đức T1, sinh ngày 17-5-2006 đều đã đủ 18 tuổi, tự lao động để nuôi sống bản thân.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, không có mặt theo các quyết định của Tòa án, vi phạm khoản 15, khoản 16 Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Mâu thuẫn tình cảm giữa anh T và chị P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T được ly hôn chị P. Không xem xét, giải quyết về con chung và tài sản chung do đương sự không yêu cầu. Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; Anh T, chị P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Đức T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Phạm Thị P tại Tòa

án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là chị Phạm Thị P cư trú tại Thôn T, xã B, huyện T nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là về việc ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị P.

- Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh Phạm Đức T và chị Phạm Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng ngày 03-10-1997 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Anh T trình bày phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án nên có căn cứ xác định: Sau khi kết hôn, anh chị sống chung tại thôn T, xã B, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau, khác nhau về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xô xát, bất hoà. Từ năm 2017 đến nay, anh chị đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Do anh T và chị P đã không còn yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình; không chung sống với nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh T và chị P đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn chị P.

[5] Về con chung: Anh T và chị P có 02 con chung là Phạm Đức G, sinh ngày 05-02-1998 và Phạm Đức T1, sinh ngày 17-5-2006 đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh T và chị P có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Đức T được ly hôn chị Phạm Thị P.
2. Về con chung: Anh T và chị P có 02 con chung là Phạm Đức G, sinh ngày 05-02-1998 và Phạm Đức T1, sinh ngày 17-5-2006 đều đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động nuôi sống bản thân nên Hội đồng xét xử không xem xét.
3. Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.
4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009180 ngày 27-12-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.
6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Bắc Hưng, huyện Tiên Lãng (Đăng ký kết hôn năm 1997);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Bình Nguyễn Hữu Bình

Nguyễn Thanh Tùng

